TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 25/2018/DS-ST
Ngày 10 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Giang.

2.Ông Nguyễn Võ.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: vợ chồng ông Phạm Văn L sinh năm 1957 bà Trịnh Thị M sinh năm 1957. Địa chỉ: thôn 1, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà M ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2018). Ông L có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Hồng S sinh năm 1974 bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1974. Nơi đăng ký HKTT: thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: thôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông S ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 06/9/2018). Bà Đ, ông S có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là vợ chồng ông Phạm Văn L bà Trịnh Thị M trình bày:

Ngày 01/6/2017, vợ chồng ông Nguyễn Hồng S bà Nguyễn Thị Đ vay của vợ chồng ông L bà M 286.000.000đồng, thời hạn trả nợ ngày 28/02/2018. Vợ chồng ông S bà Đ giao cho ông L bà M 01 bản gốc sổ hộ khẩu gia đình và 02 bản

photocopy chứng minh nhân dân để làm tin. Hai bên thỏa thuận số tiền vay không tính lãi nếu vợ chồng ông S bà Đ trả nợ đúng hạn. Nếu vợ chồng ông S bà Đ không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất 2%/tháng kể từ ngày vay. Nay đã quá hạn, nhưng ông S bà Đ không trả nợ cho vợ chồng ông L bà M.

Theo đơn khởi kiện, vợ chồng ông L bà M yêu cầu vợ chồng ông S bà Đ phải trả 357.500.000đồng, bao gồm 286.000.000đồng tiền gốc và 71.500.000 đồng (tiền lãi tạm tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày viết đơn khởi kiện 01/9/2018 theo lãi suất 20%/năm).Tại phiên tòa, ông L bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông S bà Đ phải trả 363.800.000đồng, bao gồm 286.000.000đồng tiền gốc và 77.800.000đồng tiền lãi {286.000.000đồng x 16 tháng 10 ngày (từ ngày 01/6/2017 đến ngày xét xử 10/10/2018) x 20%/năm}. Đồng thời, vợ chồng ông S bà Đ phải tiếp tục trả tiền lãi từ sau ngày Tòa án xét xử đến ngày trả nợ xong với lãi suất là 20%/năm.

Vợ chồng ông L bà M sẽ tự thỏa thuận trả cho vợ chồng ông S bà Đ sổ hộ khẩu gia đình do Công an xã CưPrao cấp cho hộ ông Nguyễn Hồng S.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Hồng S bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vợ chồng ông S bà Đ thừa nhận vay của vợ chồng ông L bà M 286.000.000đồng vào ngày 01/6/2017, thời hạn vay và thỏa thuận tiền lãi như ông L trình bày. Do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng ông S bà Đ chưa trả nợ cho vợ chồng ông L bà M. Vợ chồng ông S bà Đ chỉ có khả năng trả dần nợ gốc cho vợ chồng ông L bà M mỗi năm từ 20.000.000đồng đến 40.000.000đồng, vợ chồng ông S bà Đ chỉ có khả năng trả một phần lãi theo yêu cầu của ông L.

Vợ chồng ông S bà Đ tự thỏa thuận với vợ chồng ông L bà M và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng ông L bà M trả lại cho vợ chồng ông S bà Đ sổ hộ khẩu gia đình do Công an xã CưPrao cấp cho hộ ông Nguyễn Hồng S.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 286.000.000đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Nguyên đơn (vợ chồng L bà M) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (vợ chồng vợ chồng ông S bà Đ) phải trả tiền nợ theo giấy biên nhận và cam kết mượn tiền ngày 01/6/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk. Nguyên đơn bà M ủy quyền cho ông L, bị đơn ông S ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 85 và Điều 86 BLTTDS, HĐXX xét thấy việc ủy quyền này là đúng pháp luật. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiền lãi tạm tính đến ngày viết đơn khởi kiện 01/9/2018. Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử 10/10/2018 là vẫn trong phạm vi khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ gốc

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 286.000.000đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh (điểm a khoản 1 Điều 92 BLTTDS). Do đó HĐXX cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 286.000.000đồng tiền gốc(1) theo hợp đồng mà các bên ký kết ngày 01/6/2017.

[2.2.] Tiền lãi phát sinh, và phương thức trả nợ mà các bên tranh chấp:

Hợp đồng được các bên ký kết là phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS), hợp đồng có hiệu lực các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết được quy định tại Điều 401 và khoản 5 Điều 466 BLDS. Bị đơn là người vi phạm về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền (Điều 280 BLDS), nên buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với nguyên đơn theo Điều 357 BLDS. Lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là cao theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 20%/năm của khoản tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác."

Theo thỏa thuận, đến ngày 28/02/2018 bị đơn phải trả nợ gốc cho nguyên đơn, nhưng bị đơn không thực hiện theo cam kết, nên buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo đúng cam kết từ ngày vay 01/6/2017 đến ngày bị đơn trả nợ xong cho nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 77.800.000đồng(2) tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2017 đến ngày 10/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm).

Tổng cộng, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 363.800.000đồng(1+2).

Bị đơn trình bày do điều kiện kinh tế khó khăn nên chỉ chấp nhận trả nợ dần cho nguyên đơn theo phương thức mỗi năm từ 20.000.000đồng đến 40.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với sổ hộ khẩu gia đình bị đơn giao cho nguyên đơn giữ để làm tin, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 18.190.000đồng (5% x 363.800.000đồng). Tuy nhiên, bị đơn thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của BLDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn L bà Trịnh Thị M:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng S bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn L bà Trịnh Thị M 363.800.000đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), bao gồm 286.000.000đồng tiền gốc và 77.800.000đồng tiền lãi (tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 10/10/2018).

Kể từ ngày 11/10/2018 đến ngày thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 20%/năm đối với bên được thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Hồng S bà Nguyễn Thị Đ được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Phạm Văn L 9.295.000đồng đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004677 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

3.Thông báo quyền kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương